

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các thủ tục về môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn triển khai một số nội dung về thực hiện các thủ tục môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ, thống nhất có hiệu quả các nội dung thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thi hành đảm bảo đúng quy định.

2. Yêu cầu

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

3. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

II. NỘI DUNG

1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường

1.1. Đối tượng phải thực hiện (Khoản 1 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

Dự án đầu tư Nhóm I (được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

1.2. Thời điểm thực hiện (Khoản 2 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường 2020).

Thời điểm đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

1.3. Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường (Khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan;

- Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất/phương án xây dựng, thi công, quản lý vận hành của dự án và địa điểm thực hiện dự án;

- Nhận diện yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm (nếu có);

- Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất/phương án xây dựng, thi công, quản lý vận hành của dự án, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường;

- Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

1.4. Thẩm định và thẩm quyền thẩm định (Khoản 4 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường 2020).

Không có quy định về việc thẩm định đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

2. Đánh giá tác động môi trường

2.1. Đối tượng phải thực hiện (Khoản 3 Điều 28 và điểm c, d, đ, e Khoản 4 Điều 28, Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

a) Dự án đầu tư Nhóm I (được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

Lưu ý: Các dự án phải lập báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường thì cũng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b) Dự án đầu tư nhóm II (chỉ các dự án được quy định cụ thể tại **mục II, Mục III** của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

Lưu ý: Đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa phải chuyển đổi mục đích sử dụng, thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc dự án có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp tỉnh thì phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Đối với các dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu công không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

2.2. Thực hiện Đánh giá tác động môi trường (Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

- Đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

- Kết quả đánh giá tác động môi trường được thực hiện bằng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Mỗi một dự án đầu tư lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.3. Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Nội dung chính của Báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Cấu trúc của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Khoản 1 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường 2020).

- Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

2.5. Thẩm định và thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (Điều 34, Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau:

+ Các dự án đầu tư nhóm I;

+ Dự án đầu tư nhóm II quy định cụ thể tại **mục II, Mục III** của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư trên địa bàn trừ đối tượng thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Lưu ý:

(1) Trường hợp **dự án có sử dụng đất trồng lúa phải chuyển đổi mục đích sử dụng** thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

(2) Trường hợp **dự án có sử dụng đất trồng lúa phải chuyển đổi mục đích sử dụng** thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh thì thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND tỉnh Sơn La.

(3) Trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án gửi nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường đến đơn vị quản lý trang thông tin điện tử của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường để tham vấn theo quy định (*ở cấp tỉnh đề nghị chủ dự án gửi nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Sở Thông tin và Truyền thông/Cổng thông tin giao tiếp điện tử tỉnh để đăng tải; việc tham vấn được thực hiện trong thời hạn 15 ngày*).

2.6. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các việc sau (khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường 2022).

- Cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

- Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án đầu tư thăm dò, khai thác dầu khí;

- Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư xây dựng;

- Cấp giấy phép môi trường;

- Cấp giấy phép nhận chìm ở biển; quyết định giao khu vực biển;

- Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 36 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Giấy phép môi trường

3.1. Đối tượng phải thực hiện (Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Lưu ý:

(1) Đối với dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công được miễn giấy phép môi trường.

(2) Đối với những dự án đầu tư không phát sinh nước thải, bụi, khí thải, chất thải nguy hại phải được xử lý, quản lý trong giai đoạn vận hành chính thức thì không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

3.2. Thời điểm thực hiện (Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều 36 của Luật này. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng không thuộc đối tượng được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng thì phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng.

3.3. Nội dung giấy phép môi trường

- Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được quy định tại Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Mẫu Báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của các dự án đầu tư thực hiện theo mẫu tại Phụ lục VIII, IX, X, XI, XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (Khoản 1 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường;
- Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;
- Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

3.5. Thẩm định và thẩm quyền thẩm định (Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau:

+ Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM;

+ Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

- UBND cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với dự án nhóm II; nhóm III quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (*nhóm III nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên*).

- UBND cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường (*trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND tỉnh*).

4. Đăng ký môi trường

4.1. Đối tượng phải thực hiện (Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

Dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Lưu ý:

(1) Đối tượng được miễn đăng ký môi trường gồm: Dự án đầu tư thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh; Dự án đầu tư khi đi vào vận hành không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải với khối lượng nhỏ được xử lý bằng công trình xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương; Đối tượng khác.

(2) Danh mục dự án đầu tư, cơ sở được miễn đăng ký môi trường quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2. Thời điểm thực hiện (Khoản 6 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

- Dự án đầu tư quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 49 thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức.

- Dự án đầu tư quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 49 không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải đăng ký môi trường trước khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc trước khi xả chất thải ra môi trường đối với trường hợp không phải có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4.3. Thẩm định và thẩm quyền thẩm định (Khoản 7 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường 2020)

UBND cấp xã tiếp nhận đăng ký môi trường và cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai một số nội dung chính về thực hiện các thủ tục môi trường đối với dự án đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi

trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đề nghị các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ tham mưu trình cấp có thẩm quyền triển khai đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện trường hợp cần thiết, đối với từng dự án, nhiệm vụ cụ thể nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị liên hệ trực tiếp Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn. *thc*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm CNTTNTMT (để đăng tải);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLMT, Nhung.10b. *thc*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Thu Hằng